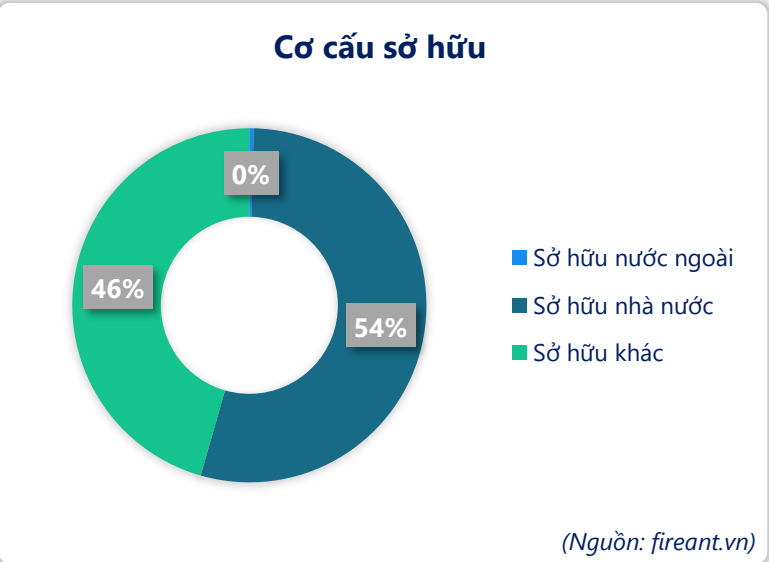
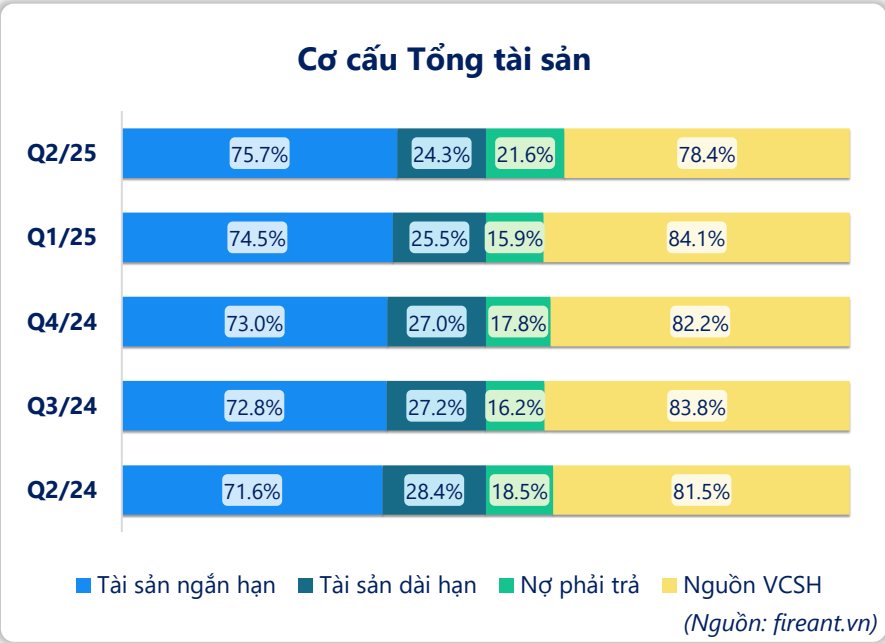
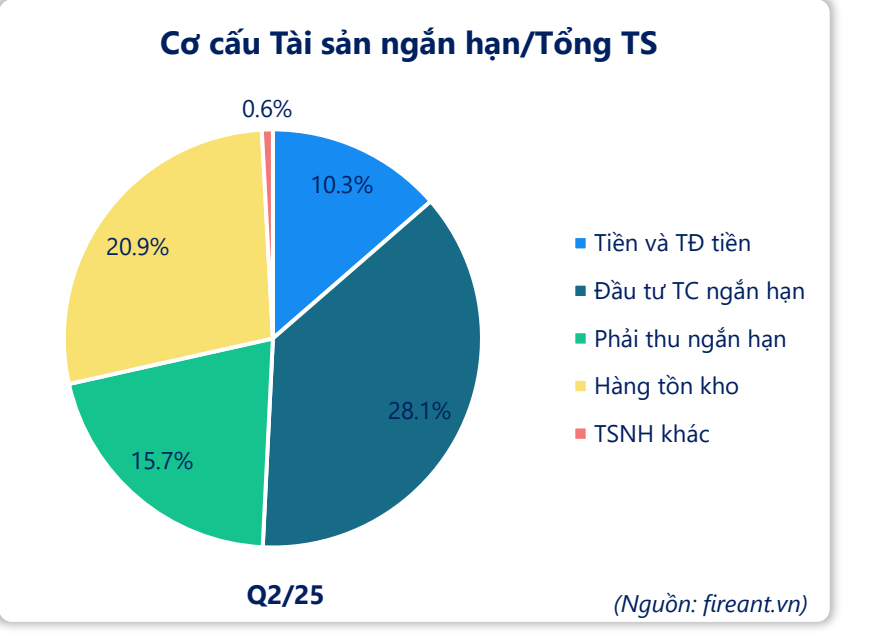
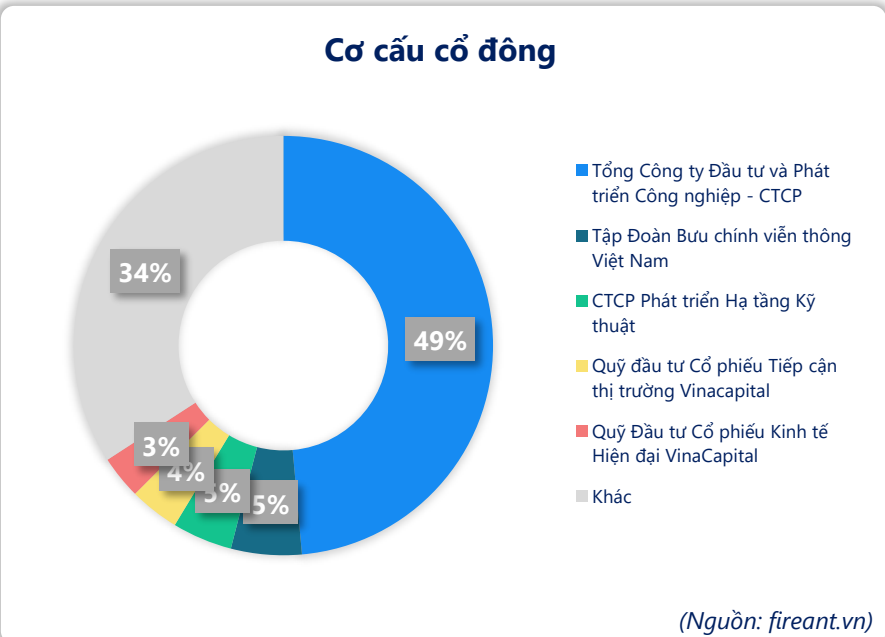
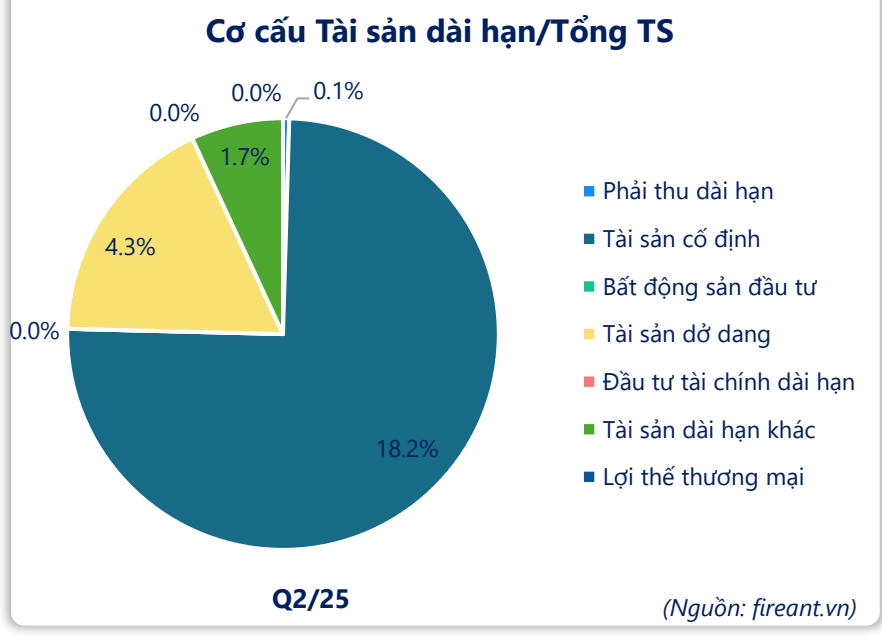
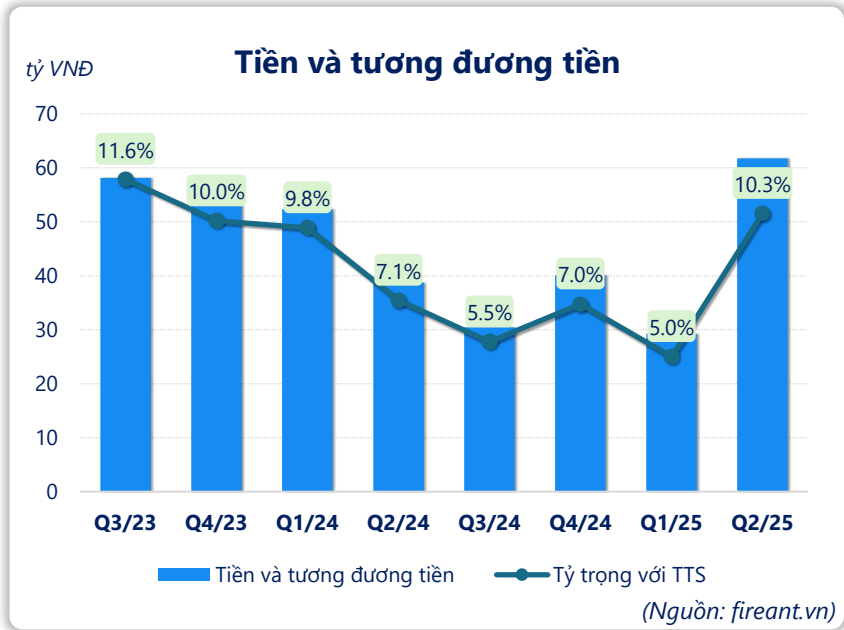
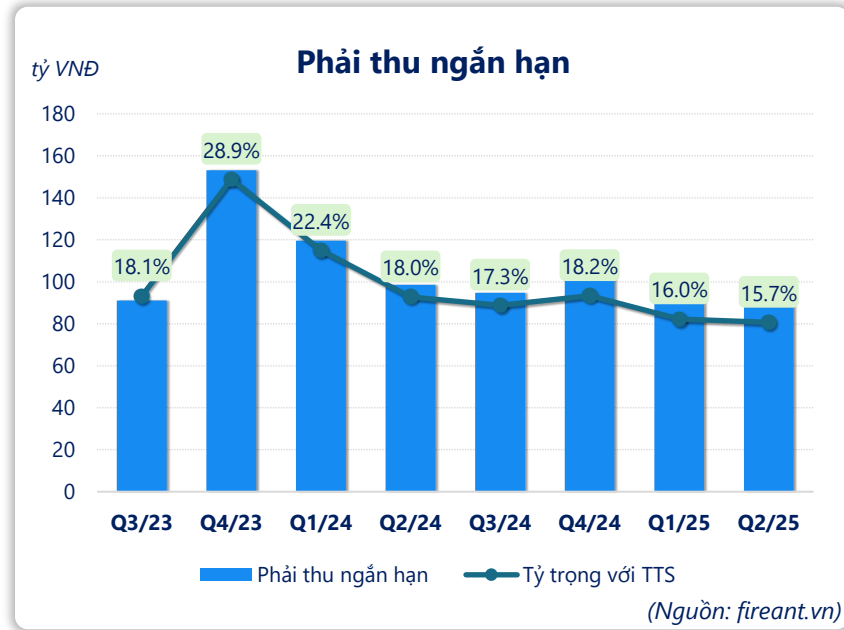
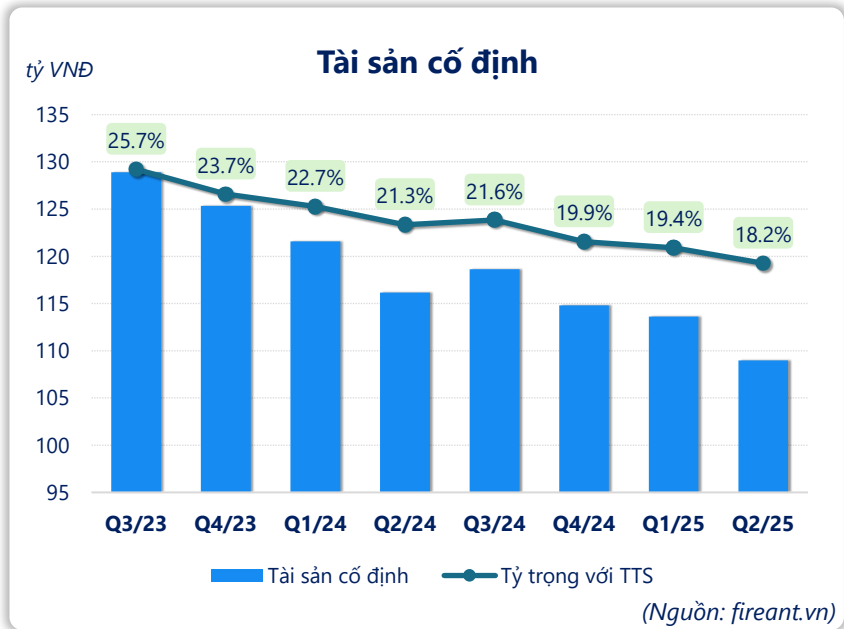
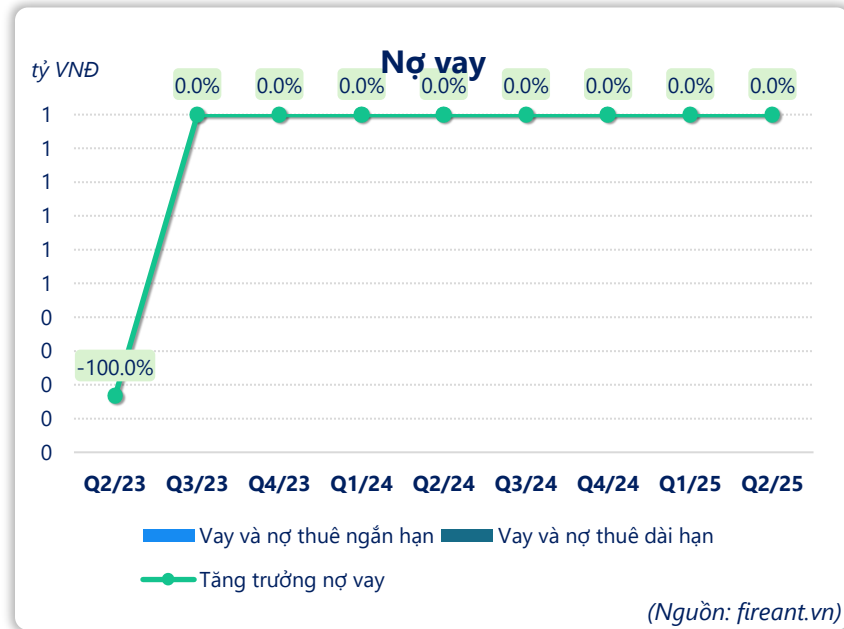
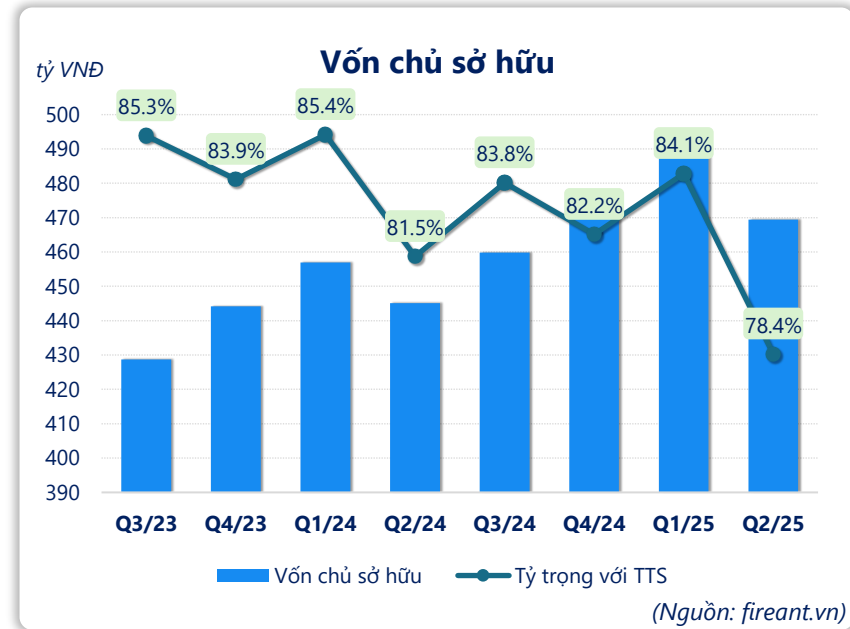
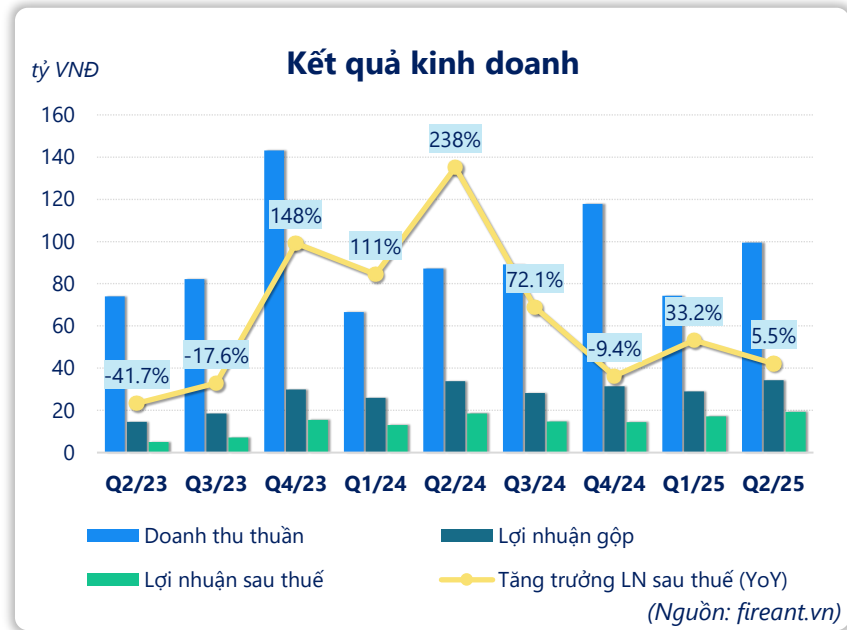
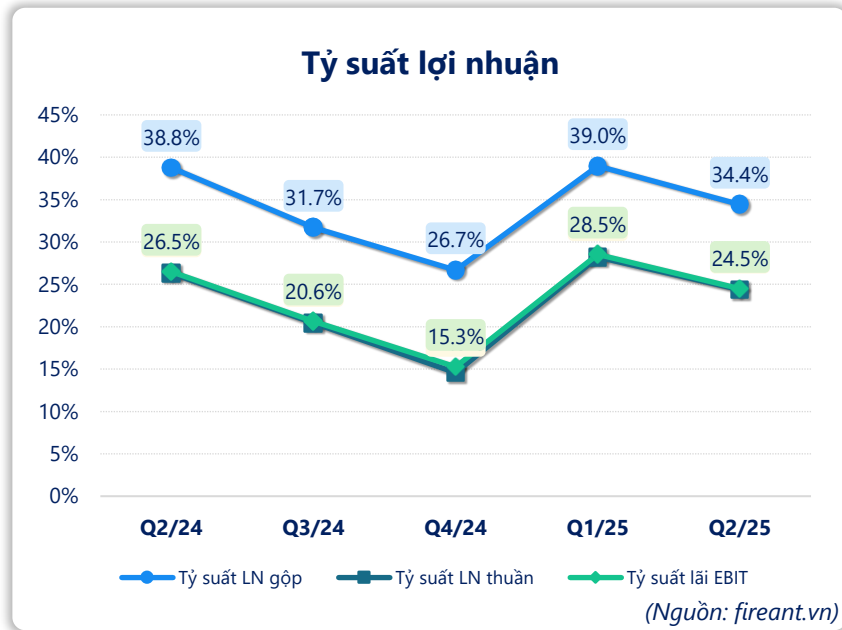
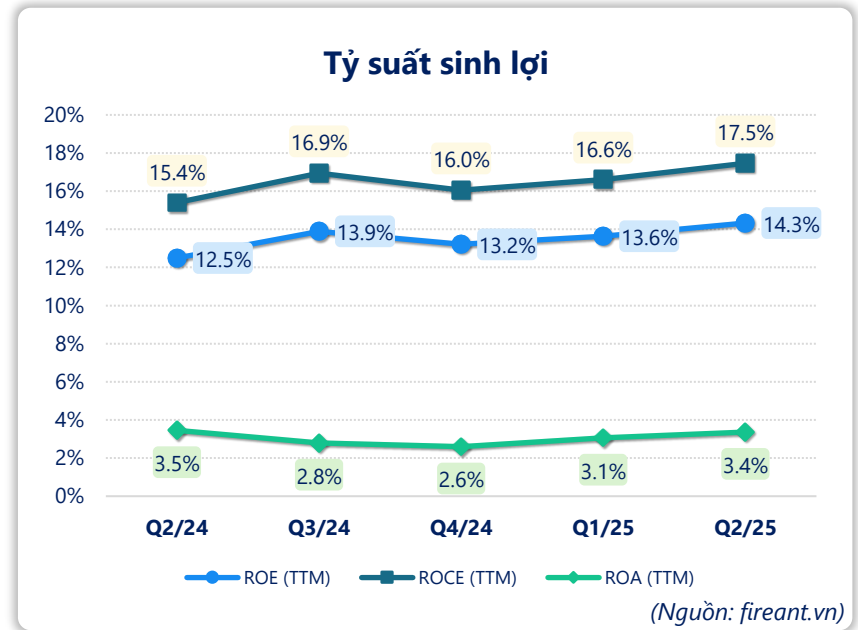
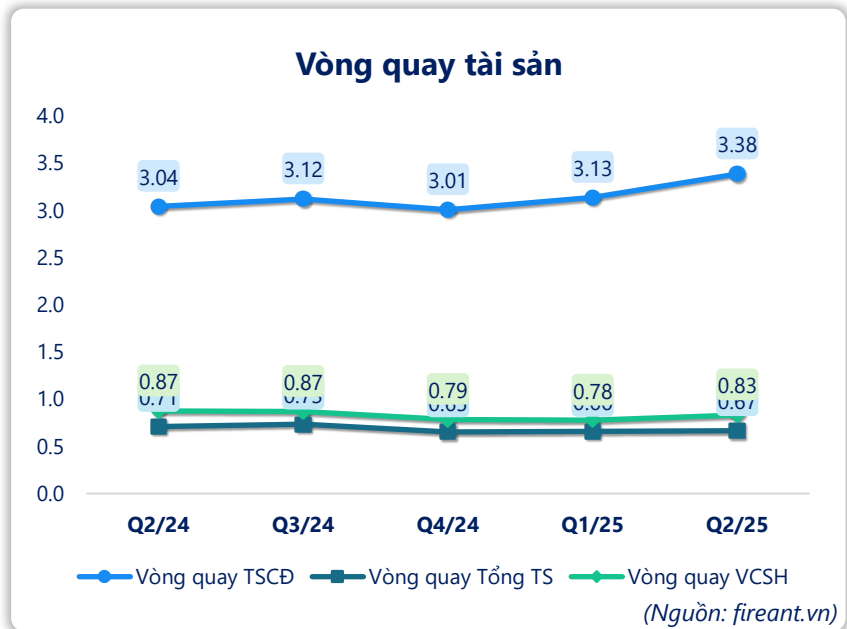
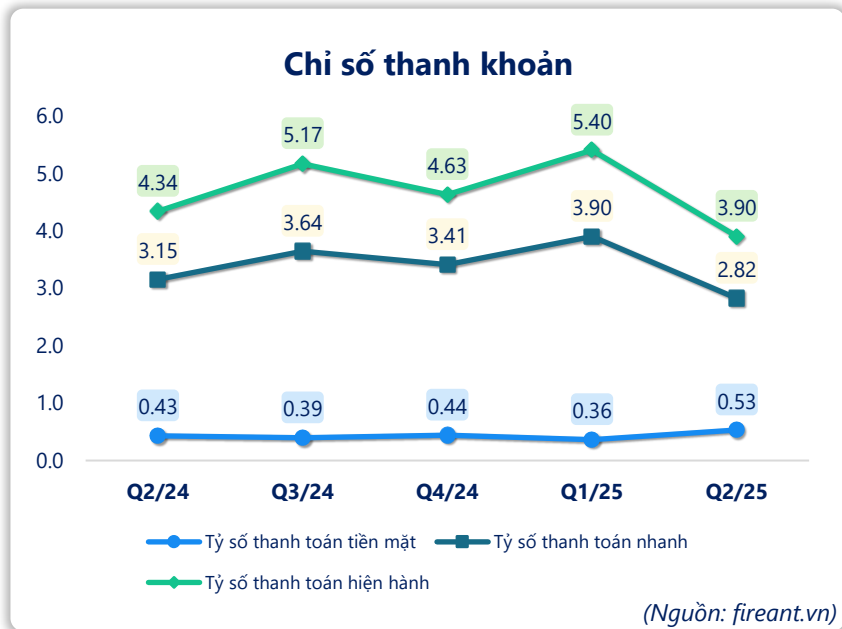
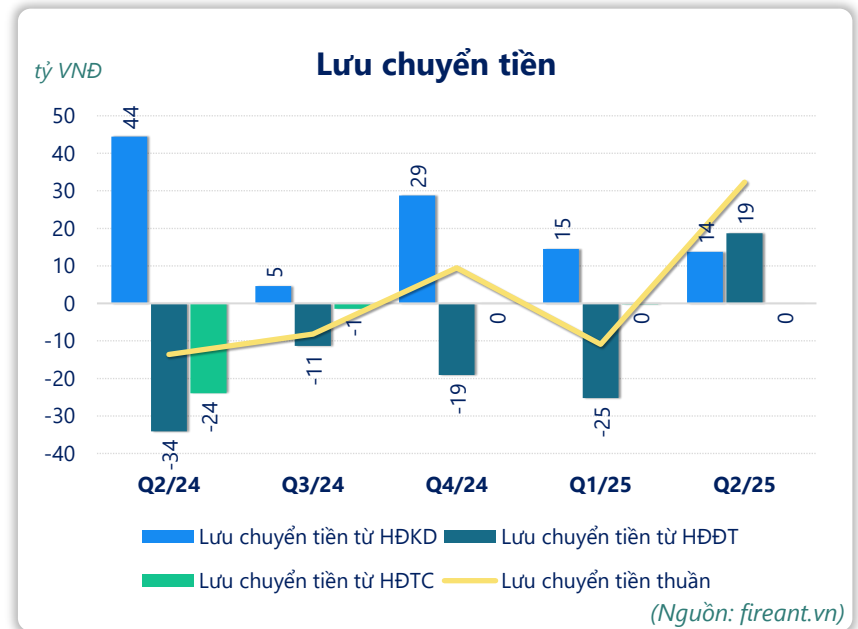


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,890
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,540
SL cổ phiếu LH		36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		207,195
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		676
P/E		10.3
EPS		1,784

	YTD	1T	3T	6T
TTN	-14.7%	10.7%	8.8%	-10.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	599	577	3.8%
Tài sản ngắn hạn	453	421	7.6%
Tiền và tương đương tiền	61.7	40.1	53.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	169	163	3.7%
Phải thu ngắn hạn	94.0	105	-10.3%
Hàng tồn kho	125	111	13.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.86	2.83	36.0%
Tài sản dài hạn	145	156	-6.7%
Phải thu dài hạn	0.68	0.24	182%
Tài sản cố định	109	115	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.7	32.5	-20.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.0	8.25	21.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	129	102	26.4%
Nợ ngắn hạn	116	90.6	28.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	29.8	35.8	-16.7%
Nợ dài hạn	13.2	11.7	12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	469	475	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	469	475	-1.1%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	87.2	89.2	118	74.4	99.4
Giá vốn hàng bán	53.4	61.0	86.4	45.4	65.2
Lợi nhuận gộp	33.8	28.3	31.4	29.0	34.2
Doanh thu HĐTC	1.88	1.35	1.76	1.93	2.45
Chi phí TC	0.00	0.00	0.00	0	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.05	3.79	6.19	3.85	4.22
Chi phí QLDN	8.69	7.59	9.83	6.07	8.20
LN thuần từ HĐKD	22.9	18.3	17.2	21.0	24.2
Lợi nhuận khác	0.17	0.16	0.82	0.23	0.09
LN trước thuế	23.1	18.4	18.0	21.2	24.3
Lợi nhuận sau thuế	18.4	14.7	14.4	17.1	19.3
LNST của CĐ cty mẹ	18.4	14.7	14.4	17.1	19.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.4	4.64	28.7	14.5	13.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.1	-11.4	-19.1	-25.2	18.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.9	-1.41	-0.16	-0.22	-0.10
Tiền đầu kỳ	52.3	38.7	30.4	40.1	29.3
Lưu chuyển tiền thuần	-13.6	-8.14	9.48	-10.9	32.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.15	0.21	0.04	0.16
Tiền cuối kỳ	38.7	30.4	40.1	29.3	61.7

(Nguồn: fireant.vn)